

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN HỒNG QUANG

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
HUYỆN QUẾ SƠN**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng, năm 2011

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Quang Bình

Phản biện 1: TS Nguyễn Hiệp..

Phản biện 2: PGS.TS Phạm Hảo.

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Quảng Nam vào ngày 17-18 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

- Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quan trọng của nền kinh tế quốc dân, là ngành trực tiếp sản xuất ra lương thực thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho con người, cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các ngành kinh tế khác, góp phần rất quan trọng vào sự phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị của các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển.

- Quê Sơn là huyện trung du miền núi, tỷ lệ lao động, diện tích canh tác nông nghiệp cũng như đóng góp của ngành vào tăng trưởng kinh tế rất lớn. Trong giai đoạn 2005 – 2010, sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá; giá trị tăng bình quân hàng năm 3,6% (kế hoạch là 3,5%), giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích tăng từ 15,5 lên 34 triệu đồng/ha, năng suất lúa, các loại cây trồng tăng lên đáng kể (lúa đạt 39 tạ/ha lên 45 tạ/ha), sản lượng lương thực (cây có hạt) đạt trên 35.000 tấn, bình quân lương thực đầu người trên 380kg/năm. Cơ cấu mùa vụ, cây trồng, con vật nuôi chuyển dịch theo hướng tích cực, xuất hiện một số mô hình nông - lâm kết hợp đạt hiệu quả. Kinh tế rừng phát triển mạnh, tạo đột phá trong kinh tế nông nghiệp, giá trị thu nhập từ rừng khá cao, góp phần cải thiện đời sống nhân dân. Đàn gia súc, gia cầm tăng nhanh, giá trị chăn nuôi chiếm 35% trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp của huyện chưa bền vững. Việc thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất còn rất nhiều hạn chế, năng suất và thu nhập trong nông

nghiệp còn thấp; hiệu quả sử dụng đất chưa cao, nhiều diện tích bỏ hoang, chưa được đầu tư khai thác; tiêu thụ nông lâm sản còn rất nhiều khó khăn. Hệ thống các Hợp tác xã, cung ứng dịch vụ nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu.

- Việc nghiên cứu, đề xuất và giải quyết một số tồn tại trong sản xuất nông nghiệp sẽ tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời khắc phục những hạn chế ở khu vực nông thôn, nên tôi đã chọn chủ đề ***“Phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam”*** cho Luận văn thạc sỹ cao học của mình.

2. Mục tiêu của đề tài

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận chung về phát triển nông nghiệp; phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất nông nghiệp (việc huy động, sử dụng nguồn lực, các nhân tố tác động) trên địa bàn huyện Quế Sơn để tìm ra vấn đề cần giải quyết, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian đến.

3. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp phân tích thống kê, tổng hợp, chi tiết hóa, so sánh, đánh giá, khái quát, chuyên gia... theo nhiều cách từ riêng rẽ tới kết hợp với nhau. Các phương pháp này được sử dụng trong việc phân tích, đánh giá, so sánh giữa nghiên cứu lý luận và thực tiễn của địa phương để đề ra phương hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp huyện Quế Sơn. Với các cách tiếp cận vĩ mô, thực chứng, hệ thống, lịch sử, tác giả đã sử dụng các phương pháp thu thập tài liệu, thông tin sau:

- Kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó.

- Tổng hợp các nguồn số liệu thông qua các báo cáo, tổng kết của 14 xã, thị trấn, của các phòng, ban huyện Quế Sơn và các Sở, Ngành trong tỉnh.

- Tìm thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Báo chí, Internet...

- Kết hợp các phương pháp thu thập số liệu để có dữ liệu nghiên cứu và phân tích đầy đủ.

4. Nguồn thông tin dữ liệu, công cụ phân tích chính

- Chủ yếu sử dụng số liệu của Niên giám thống kê huyện Quế Sơn từ năm 1997, tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2006, 2011 và các báo cáo tổng kết của UBND huyện Quế Sơn, phòng Nông nghiệp & PTNT, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam, và của các ngành khác (tài nguyên & môi trường, lao động TB&XH, Kinh tế Hạ tầng, ...) trong huyện Quế Sơn.

- Ý kiến của chuyên gia.

- Công cụ chính: Sử dụng chương trình xử lý số liệu bằng excel,

5. Điểm mới của đề tài

- Đây là lần đầu tiên có một nghiên cứu phát triển nông nghiệp toàn diện được áp dụng trên địa bàn huyện Quế Sơn.

- Trên cơ sở các lý luận chung về phát triển nông nghiệp; với thực trạng, điều kiện đặc thù của một huyện trung du miền núi, các định hướng, giải pháp thiết thực sẽ giúp huyện hoạch định chính sách, xây dựng mục tiêu, giải pháp phát triển trong thời gian đến.

6. Cấu trúc của luận văn.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, cấu trúc luận văn này gồm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện Quế Sơn.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp huyện Quế Sơn.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. Vai trò và đặc điểm sản xuất nông nghiệp

1.1.1. Định nghĩa về nông nghiệp

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

1.1.3. Vai trò, vị trí của nông nghiệp

1.2. Nội dung và tiêu chí phát triển nông nghiệp

1.2.1. Nội dung về phát triển nông nghiệp

Là quá trình tăng tiến về mọi mặt của sản xuất nông nghiệp cả về lượng và chất; nó là sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa vấn đề về kinh tế và xã hội của sản xuất nông nghiệp, thể hiện qua việc:

- Gia tăng quy mô sản lượng nông nghiệp:
- Phát triển trong nội bộ ngành nông nghiệp.
- Chuyển dịch cơ cấu phù hợp.
- Hoàn thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp.
- Gia tăng việc làm và nâng cao thu nhập của lao động.
- Hạn chế ô nhiễm môi trường sống và sản xuất nông nghiệp.

1.2.2. Các tiêu chí phát triển nông nghiệp

- Tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp:
- Mức và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp.
- Sự thay đổi tỷ lệ đóng góp của các ngành vào giá trị sản xuất nông nghiệp năm nào đó so với tỷ lệ của năm gốc.
- Đo lường năng suất nông nghiệp:
- Hiệu quả sử dụng nguồn lực.
- Việc làm và thu nhập lao động.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp

1.3.1 Điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên:

1.3.2 Khả năng huy động và sử dụng các nguồn lực

1.3.3 Hoạt động của hệ thống cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp

1.3.4 Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

1.3.5 Các chính sách phát triển nông nghiệp

1.3.6 Thị trường nông nghiệp

1.4 Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp của một số địa phương miền núi Việt Nam

1.4.1 Kinh nghiệm của huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam

1.4.2 Kinh nghiệm của huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN QUẾ SƠN

2.1. Tình hình phát triển nông nghiệp huyện Quế Sơn

2.1.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện

Qua hình 2.1 và bảng 2.1, chúng ta thấy rằng giá trị sản xuất của huyện Quế Sơn tăng dần nhưng không đều qua các năm. Giai

đoạn đầu thì giá trị tuyệt đối cũng như tốc độ tăng trưởng rất thấp (năm 1997 chỉ đạt 221,1 tỷ, năm 1998 tăng trưởng 0,44%); nhưng đến giai đoạn từ 2006 – 2010 thì giá trị và tốc độ tăng trưởng tương đối cao, bình quân trên 10%/năm.

Trong đó, giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản tăng dần qua các năm, từ 126.865 triệu đồng năm 1997 lên 193.934 triệu đồng vào cuối năm 2010. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm đều qua các năm.

2.1.2. Phát triển các ngành (nông, lâm, thủy sản) trong nông nghiệp

2.1.2.1. Tốc độ tăng trưởng các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tại Hình 2.2, ngành thủy sản có biến động cao nhất, tiếp đến là nông nghiệp và cuối cùng là lâm nghiệp. Nhưng giá trị ngành thủy sản, lâm nghiệp thấp nên tác động không nhiều đến tăng giá trị chung của cả ngành nông nghiệp.

2.1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp

Cũng theo số liệu tại hình 2.2, từ năm 1997 đến nay, trong khu vực nông, lâm, thủy sản thì: Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm rất cao, xấp xỉ 93%; còn giá trị và cũng như tỷ trọng ngành lâm nghiệp, thủy sản chiếm rất thấp, như thủy sản chiếm dưới 0,5%.

Giá trị lâm nghiệp chiếm khoảng 7% (giai đoạn 1997 – 2007) và có xu hướng tăng dần từ năm 2008 – 2010.

Giá trị ngành thủy sản chiếm rất nhỏ, chưa đến 0,5% giá trị sản xuất khu vực này.

2.1.2.3. Tốc độ tăng trưởng, cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ)

Tại Hình 2.4 cho thấy giá trị ngành trồng trọt có xu hướng tăng và chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu ngành nông nghiệp, khoảng từ 63 – 72%; chăn nuôi thì thấp hơn nhưng tỷ trọng tăng dần (năm 2010 đạt 34,95%); dịch vụ thì có giá trị và tỷ trọng quá thấp (2-3%).

2.1.3. Tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Chủ yếu vẫn sản xuất theo hình thức hộ gia đình và trang trại gia đình.

- Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm thủy sản thì đóng góp từ khu vực kinh tế hộ gia đình chiếm tới hơn 95% giá trị. Diện tích bình quân từng hộ tương đối lớn (0,76ha/hộ) nhưng mục đích sử dụng đất và phân bố không đồng đều giữa các địa phương. Việc quản lý sản xuất của hộ gia đình cũng khác nhau, tùy thuộc khu vực canh tác, loại đất canh tác và phụ thuộc vào quy mô sản xuất của hộ.

- Việc tổ chức sản xuất chủ yếu theo kinh nghiệm, lối sản xuất truyền thống, thiếu kiến thức, thiếu vốn nên nhiều hộ sản xuất tự phát theo kiểu tự cung tự cấp, hiệu quả sản xuất thấp và rủi ro lớn; chưa chú ý nhiều đến sản xuất hàng hóa.

Bên cạnh sản xuất nhỏ lẻ, trên địa bàn huyện đã xuất hiện những mô hình sản xuất, chăn nuôi kết hợp rất có hiệu quả.

2.1.4. Thu nhập và việc làm trong nông nghiệp

Giai đoạn 2005-2010, tốc độ tăng sản phẩm trên địa bàn huyện bình quân đạt 12,8%/năm. Hàng năm đã giải quyết việc làm ổn định từ 2.000 – 2.500 lao động, số lao động đang tham gia hoạt động kinh tế tăng từ 69,41% lên 83,66%. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch mạnh theo hướng hiện đại: lao động công nghiệp - xây

dụng từ 9,42% tăng lên 14,72%, thương mại – dịch vụ từ 6,51% tăng lên 14,91%, nông - lâm- ngư nghiệp từ 67,92% giảm xuống còn 59,29%; lao động thất nghiệp và thiếu việc làm giảm từ 7,59% xuống 6,75%, tỷ lệ sử dụng lao động nông thôn tăng từ 74,19% lên 77,23%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 10 triệu đồng/người/năm.

2.1.5. Tình hình huy động các nguồn lực

2.1.5.1. Vốn đầu tư vào nông nghiệp

*** Vốn ngân sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp:**

Nguồn vốn XDCB đầu tư tăng dần qua các năm, nhưng chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực giao thông, chiếm 66,65%; lĩnh vực thủy lợi trực tiếp phục vụ nông nghiệp chỉ đạt 12,74%. Ngoài ra, huyện đã sử dụng hơn 7.620 triệu đồng nguồn sự nghiệp khuyến nông.

*** Vốn tín dụng**

- Tổng dư nợ tín dụng tính đến 31/12/2010 là 79.136 triệu đồng, tăng 61.815 triệu đồng so với cuối năm 2004, tốc độ tăng bình quân 64%. Trong đó, cơ cấu dư nợ cho vay ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất lớn, có tốc độ tăng khá cao: năm 2010 tăng 2,7 lần so với dư nợ tín dụng năm 2005. Bình quân hằng năm tăng trên 30%.

- Ngoài ra, đã có 9.278 hộ tiếp cận vay vốn các Chương trình của Nhà nước (hộ nghèo, giải quyết việc làm, WB 3) với dư nợ tín dụng là 130.186 triệu đồng.

2.1.5.2. Lao động

Tỷ lệ lao động tham gia hoạt động kinh tế của huyện là trên 90%, trong đó lao động nông nghiệp có giảm nhưng vẫn còn chiếm tỷ

lệ lớn, hơn 59% năm 2010. Các ngành công nghiệp và xây dựng chỉ chiếm tỷ trọng từ 33 đến 41%.

Trong ngành nông nghiệp lao động của huyện thì lao động chủ yếu tập trung trong ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Tỷ trọng của lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm khoảng 10%.

2.1.5.3. Thâm canh tăng năng suất và trang thiết bị máy móc trong nông nghiệp

Tỷ lệ sử dụng giống mới có năng suất cao còn thấp; lúa 75%, ngô khoảng 55-65%, bò lai sind 50.

Phương thức canh tác vẫn ít cải tiến, người nông dân vẫn sử dụng quy trình cũ từ trước tới nay.

Trang thiết bị máy móc nông nghiệp là tiêu thức phản ánh trang bị kỹ thuật và trình độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; nhưng số máy móc nông nghiệp tính trên toàn huyện ít và không đều. .

2.1.6. Đánh giá chung về tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Quế Sơn

*** Những kết quả đạt được:**

- Tốc độ tăng trưởng hằng năm của ngành nông nghiệp đạt khá, giá trị sản xuất liên tục tăng.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng trồng trọt giảm dần, tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp tăng mạnh.

- Năng suất, sản lượng các loại cây trồng không ngừng tăng.

- Ngành chăn nuôi đang từng bước phát triển vững chắc, tổng đàn gia súc, gia cầm tiếp tục tăng, chất lượng đã được nâng lên.

- Các hoạt động dịch vụ nông nghiệp triển khai thực hiện tốt.

*** Những hạn chế, tồn tại:**

- Chưa xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, cũng như quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp.

- Tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành còn chậm.

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, số mô hình trang trại sản xuất hàng hóa lớn chưa nhiều.

- Chủ yếu vẫn chăn nuôi, trồng trọt các loại cây truyền thống như lúa, ngô, keo, heo, bò nên thu nhập từ nông nghiệp còn thấp.

- Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, mức độ áp dụng kỹ thuật – công nghệ và cơ giới hóa, hiện đại hóa trong sản xuất còn hạn chế.

- Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp của huyện Quế Sơn thời gian qua

2.2.1. Điều kiện tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên

- **Địa hình:** Đồi núi, phức tạp.

- **Đặc điểm thổ nhưỡng:** Đa dạng, phong phú với 10 nhóm đất tương thích với các loại cây trồng khác nhau.

- **Đặc điểm thủy văn:** Rất phức tạp.

- **Nhiệt độ:** Trung bình hằng năm : 25⁰C.

- **Lượng mưa:** Trung bình năm : 2.498mm.

- **Các hướng gió thịnh hành:** Gió Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

- **Độ ẩm:** Trung bình từ 82% đến 85%.

- **Điều kiện kinh tế - xã hội:** Huyện Quế Sơn bao gồm 14 xã với 104 thôn, có diện tích tự nhiên là 251.17 km², dân số là 98.016 người (năm 2010); mật độ dân số trung bình 395.19 người/km².

- **Tình hình sử dụng đất nông nghiệp:** diện tích đất tự nhiên đưa vào sản xuất nông nghiệp tăng từ 70,04% (2007) lên 73,85% (2010).

- **Về thu hút vốn đầu tư**

+ **Vốn ngân sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp:**

Chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực giao thông, chiếm 66,65%; lĩnh vực thủy lợi trực tiếp phục vụ nông nghiệp chỉ đạt 12,74%.

+ **Vốn tín dụng**

Việc sử dụng vốn tín dụng có sự tăng trưởng khá tốt.

2.2.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- **Giao thông:**

Ngoài các tuyến trục đường chính như Quốc lộ 1a, ĐT 611; trong 05 năm qua, toàn huyện huy động được 346 tỷ đồng để đầu tư cứng hóa mặt đường được 320,2 km, còn 388,2km chưa được đầu tư. Bên cạnh đó, cũng đã đầu tư được 14.977m đường bê tông và 6.250m kênh nội đồng.

- **Thủy lợi:** Toàn huyện có 08 hồ chứa nước lớn nhỏ với tổng lưu lượng nước dự trữ khoảng 11,87 triệu m³, 20 trạm bơm điện với công suất mỗi máy từ 20 – 1.000m³/giờ; có 27 đập dâng kiên cố, có 02 kênh tưới chính thuộc công trình hồ chứa nước Phú Ninh và Việt An; tổng chiều dài tất cả các kênh là 271.505m, trong đó đã kiên cố được 56.828m.

- **Buru chính, viễn thông**

- **Điện:**

- **Nước sinh hoạt**

2.2.3. Các chính sách phát triển nông nghiệp

- **Công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp**

Huyện chưa lập quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, cũng như quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp. Chủ yếu mới chỉ dừng ở mức độ lập đề án phát triển từng loại cụ thể như Đề án chuyển đổi sản xuất các loại cây trên vùng đất không chủ động nước; Đề án khảo sát phát triển cây cao su,...

- **Chính sách định hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp**

Trong nội bộ ngành nông, lâm, thủy sản thì huyện tiếp tục tập trung phát triển mạnh ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

- **Cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp**

Được điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ xã hội. Tuy nhiên, điều này chỉ mới dừng lại ở mức độ thi hành chức năng nhiệm vụ chứ chưa thực sự là một tổ chức cung cấp dịch vụ công cho khách hàng.

- **Chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất:**

Huyện chú trọng thực hiện các mô hình khuyến nông, khuyến lâm; đầu tư một số công trình, dự án quan trọng tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp như đầu tư xây dựng các hồ thủy lợi quy mô lớn, các Chương trình kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi hóa đất màu, hỗ trợ giống và cải tạo giống bò, đầu tư các tuyến đường giao thông,

Chương trình vay vốn giải quyết việc làm, hỗ trợ nông dân vay vốn trang bị máy móc, Chương trình đồn điền đổi thửa.

- Chính sách phát triển cây công nghiệp:

Huyện đang chỉ đạo quy hoạch phát triển cây sắn, keo lai tại các xã trung du, khảo sát trồng thí điểm cây cao su.

2.2.4. Hoạt động của hệ thống cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp

Hệ thống các đơn vị thực hiện cung ứng dịch vụ trên địa bàn huyện Quế Sơn thực hiện tương đối tốt theo chức năng nhiệm vụ.

2.2.5. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Điều kiện tiêu thụ nông sản thuận lợi với chi phí vận chuyển thấp.

**CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA HUYỆN QUẾ SƠN**

3.1. Phương hướng phát triển nông nghiệp

3.1.1. Phương hướng phát triển chung

Phát triển nông nghiệp một cách toàn diện theo hướng phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên từng vùng để tập trung ưu tiên phát triển sản xuất hàng hóa; gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động phát triển nông nghiệp gắn kết chặt chẽ giữa với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, thực hiện thâm canh, tăng nhanh năng suất và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích; phát triển mạnh các loại cây công nghiệp; phân đầu giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn

2010 – 2015 bình quân tăng 4%/năm và đến năm 2015 tỷ trọng nông nghiệp chiếm 20% GDP.

3.1.2. Phương hướng phát triển các ngành trong nội bộ nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi): Chú trọng phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Quy hoạch, ưu tiên phát triển các loại cây trồng có năng suất cao và thị trường ổn định.

Phát triển ngành lâm nghiệp: Tập trung phát triển các loại cây công nghiệp. Nghiên cứu, khảo sát, thí điểm để phát triển một số loại cây công nghiệp mới phù hợp với địa phương.

Phát triển ngành thủy sản: Chỉ ưu tiên tập trung nuôi trồng thủy sản, phát triển các loài có hiệu quả kinh tế cao tại những vùng có điều kiện thuận lợi.

3.2. Các giải pháp phát triển nông nghiệp

3.2.1. Hoàn thiện chính sách phát triển nông nghiệp

Trước hết là phải xây dựng Quy hoạch phát triển nông nghiệp cho giai đoạn 2011-2020. Bản quy hoạch phát triển nông nghiệp này là cơ sở cho việc định hướng đầu tư, tổ chức lại sản xuất, bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng, tiểu vùng, bảo đảm cho sản xuất, tiêu thụ ổn định và phát triển bền vững. Trong quy hoạch cần quan tâm gắn kết giữa sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đồng bộ giữa mục tiêu, chính sách và biện pháp. Đặt rõ yêu cầu phát triển kinh tế phải gắn với phát triển xã hội, phát triển con người, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Quy hoạch phải chỉ ra đưa ra được các phương án sử dụng nguồn lực. Theo đó, có thể chia không gian huyện thành các vùng khác nhau để lựa chọn phát triển các ngành trong sản xuất nông nghiệp có lợi thế phát triển. Bước đầu, qua nghiên cứu cần nên phân định thành các vùng: đồng bằng, vùng trung du và miền núi.

Thứ hai, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp, do đó cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách về đất đai. Trong đó chú ý việc giao đất giao rừng, việc dồn điền đổi thửa.

Thứ ba, rà soát điều chỉnh cơ cấu đầu tư từ ngân sách, ưu tiên các nguồn vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thứ tư, triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế đối với địa phương.

Thứ năm, hoàn chỉnh chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Căn cứ vào: (1) Định hướng; (2) tiềm năng thế mạnh của Quê Sơn; (3) kết quả phân tích thực tế phát triển của mỗi ngành và (4) nguồn lực của địa phương để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Từ những phân tích tại Chương 2, có thể khẳng định xu hướng phát triển chung của huyện Quê Sơn là:

- (1) Tăng tỷ trọng lâm nghiệp và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp;
- (2) Trong nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi đại gia súc;
- (3) Trong nội bộ trồng trọt, tập trung phát triển cây công nghiệp là thế mạnh của địa phương như keo lai, cây sắn, triển khai thí điểm để nhân rộng mô hình trồng cây cao su; đồng thời có chú trọng phát triển cây lương thực ở mức độ nhất định;

(4) Trong lâm nghiệp, đẩy mạnh trồng, chăm sóc và khai thác rừng trồng khi đã đến chu kỳ.

3.2.2. *Thâm canh tăng năng suất*

Thực hiện thâm canh nông nghiệp là một trong những giải pháp căn cơ nhất để góp phần xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc, từng bước phân bố lại lao động trong nông nghiệp. Thâm canh phải đi đôi với việc mở rộng diện tích có khả năng canh tác, nâng cao năng suất, tăng nhanh sản phẩm nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của kinh tế quốc dân, trọng tâm là lương thực và thực phẩm.

Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, triển khai ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, khả năng chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như trình độ canh tác của nhân dân trên địa bàn huyện. Có chính sách ưu đãi để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trang thiết bị công nghệ cao vào chế biến các mặt hàng nông lâm sản, nhất là sản phẩm gỗ, sắn nhằm nâng cao giá trị nông lâm sản.

Khuyến khích, hỗ trợ nông dân cải tạo, sử dụng giống mới trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương.

Phát triển kinh tế nông nghiệp đặt ra yêu cầu về công nghệ sau thu hoạch như bảo quản, sơ chế, vận chuyển, chế biến nông sản.

Cần đẩy nhanh và mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp bắt đầu từ việc tăng diện tích đất sản xuất cho các hộ sản xuất. Đồng thời tạo điều kiện cho nông dân vay vốn đầu tư thêm máy móc nông

nghiệp đặc biệt máy sấy lúa và sản phẩm nông nghiệp cũng như phương tiện bảo quản sản phẩm.

Chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thuỷ lợi ngày càng hoàn thiện, đảm bảo cung cấp đủ nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững năng suất cao ổn định.

Ưu tiên đầu tư các nhà máy chế biến nông lâm sản, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quỹ bảo hiểm rủi ro, bảo hiểm giá nông sản, đảm bảo nguyên liệu sản xuất ra được thu mua theo hợp đồng ký kết.

3.2.3. Tăng cường huy động nguồn lực cho nông nghiệp

Huyện cần chú trọng điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư, tăng cường đầu tư cho nông nghiệp để vừa phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, giảm chi phí đầu tư, vừa để xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn. Theo đó:

*** Về vốn ngân sách**

- Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp, đặc biệt là nguồn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học để đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, khuyến nông, giống mới, giống gốc và các hoạt động hỗ trợ như kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh, thú y, bảo vệ thực vật, quản lý chất lượng sản phẩm, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản, quản lý bảo vệ rừng, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm,...

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung, các nguồn hỗ trợ có mục tiêu, nguồn vốn các Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ.

- Ưu tiên thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất như: hỗ trợ lãi suất vay thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, miễn giảm thuế lợi phí; hỗ trợ trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng, hỗ trợ giống sản xuất, tiêm phòng vacxin, tiêu hủy gia súc gia cầm và các hỗ trợ khác để nông dân ổn định sản xuất trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh.

- Huy động, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư có mục tiêu của Trung ương,... một cách có hiệu quả.

*** Vốn tín dụng**

- Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ đối với các dự án sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu,...

- Ưu tiên dành nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh cũng như của Ngân hàng Phát triển, Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với các dự án đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm phục vụ mục tiêu xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn.

- Có chính sách, hình thức cho vay vốn phù hợp để tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận vốn như vay tín chấp, vay theo dự án sản xuất, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay,...

*** Vốn nhân dân và nguồn vốn khác**

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư hạ tầng, cải tạo đồng ruộng, vay vốn sản xuất, đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất giống cây trồng, con vật nuôi, đầu tư trồng rừng,...

- Tạo môi trường thông thoáng để thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn huyện.

3.2.4. Hoàn thiện hệ thống cung ứng dịch vụ cho nông nghiệp

(1). *Xấp sếp lại bộ máy hoạt động các cơ quan quản lý Nhà nước và đơn vị sự nghiệp phục vụ trực tiếp ngành nông nghiệp.* Trước hết phải nâng cao vai trò, chức năng của phòng Nông nghiệp & PTNT. Phòng phải thực sự trở thành một cơ quan tổng chỉ huy trong việc tham mưu cho UBND huyện lãnh đạo, điều hành phát triển ngành nông nghiệp, trong đó cần củng cố đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, chú trọng công tác quy hoạch, điều hành sản xuất theo quy hoạch, xác định cơ cấu giống, lịch thời vụ để chỉ đạo các xã hướng dẫn nông dân sản xuất.

Rà soát, điều chỉnh để tránh tình trạng nhiều cơ sở trong hệ thống kỹ thuật và dịch vụ cùng thực hiện một chức năng như Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Thú Y; tránh chồng chéo, và giúp các đơn vị thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình.

(2) *Mở rộng giao quyền chủ động hơn trong hoạt động của các cơ sở hành chính.*

Chuyển từ hình thức hành chính sang quan hệ hợp đồng. Các cơ sở cung ứng dịch vụ sẽ hình thành mạng lưới cơ sở cung ứng dịch vụ của mình xuống tận cơ sở chăn nuôi và trồng trọt. Với cơ chế tự hạch toán, họ có điều kiện và buộc phải đào tạo và thu hút sử dụng cán bộ có năng lực. Mặt khác họ phải cố gắng nghiên cứu tìm ra những sản phẩm dịch vụ mới có chất lượng cao để cung cấp.

Trạm Thú y phải xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến, giám sát và thực hiện tốt các quy định về nguồn gốc, cách phòng chống dịch, tổ chức tiêm phòng, khử độc, kiểm soát phòng trừ dịch bệnh trên địa bàn; tuyên truyền giữ vệ sinh và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. Xây dựng chế độ dinh dưỡng cho từng đối tượng vừa tiết kiệm, hợp với điều kiện nguồn nguyên liệu của địa phương và đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh. Cung cấp giống cỏ cùng kỹ thuật xây dựng đồng cỏ tập trung, đúng tiêu chuẩn và phù hợp với quy hoạch.

Trạm Khuyến nông khuyến lâm căn cứ vào điều kiện thực tế của huyện để xây dựng một chương trình khuyến nông phù hợp; lựa chọn, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện trồng trọt và chăn nuôi của từng vùng trên địa bàn huyện Quế Sơn để trình diễn, chuyên giao và hướng dẫn nông dân thực hiện.

Trạm Bảo vệ thực vật phải đẩy mạnh việc kiểm tra kiểm soát thị trường cung ứng dịch vụ nông nghiệp; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác như công an, quản lý thị trường,... để tiến hành kiểm tra các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, ngăn chặn tình trạng buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng làm giảm năng suất, gây thiệt hại cho người nông dân.

Đối với Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Quế Sơn phải tăng cường đầu tư, nâng cấp các hồ, đập chứa nước và hệ thống kênh thủy lợi; theo dõi chặt chẽ lịch thời vụ để tổ chức điều tiết nước hợp lý; xây dựng phương án và có kế hoạch thực hiện từ đầu năm để phòng chống hạn trong mùa khô.

3.2.5 Giải pháp tổ chức sản xuất nông nghiệp

Kinh tế hộ gia đình: Xác định kinh tế hộ là hộ kinh tế tự chủ, do đó cần tạo điều kiện cho họ thật sự chuyển biến rõ rệt. Trước tiên đối với những hộ hiện đang sản xuất kém hiệu quả, tùy vào từng khu vực mà huyện cần có những đánh giá cụ thể, thông qua các kênh dịch vụ hỗ trợ nông dân như Hội Nông dân, Trạm Khuyến nông khuyến lâm..., cũng như các chương trình, dự án để có biện pháp hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn chuyển đổi sang mô hình sản xuất khác phù hợp hơn.

Đối với những hộ lâu nay đã ổn định kinh doanh, bước đầu sản xuất hàng hóa, cần thông qua các cơ chế hỗ trợ về vốn, chuyển giao công nghệ, quỹ đất để khuyến khích các hộ này nhanh chóng mở rộng qui mô sản xuất; từng bước chuyên môn hóa, đẩy mạnh chăn nuôi, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất có giá trị kinh tế cao.

Đối với những hộ đã đạt trình độ sản xuất khá, Nhà nước tạo điều kiện và giúp họ mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường.

Phát triển kinh tế trang trại: ưu tiên bố trí mở rộng các trang trại sản xuất kinh doanh hiệu quả; Tiếp tục hoàn thiện và cải tiến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài; chọn lọc, thực hiện tốt việc chuyển giao công nghệ thiết thực, tăng cường đầu tư và cho vay vốn gắn với các dự án kinh doanh của các trang trại hoặc dự án phát triển nông nghiệp hàng hóa của cộng đồng thôn xã.

Cần chủ động lựa chọn ngành sản xuất hàng hóa phù hợp, có thị trường tiêu thụ và đưa lại lợi nhuận cao hơn; mạnh dạn tổ chức lại quy mô sản xuất của mình, chủ động thực hiện các hợp đồng về đầu vào với các doanh nghiệp vật tư kỹ thuật và về tiêu thụ sản phẩm.

Kinh tế hợp tác xã: Chấn chỉnh lại nhận thức về bản chất, mô hình hợp tác xã. Những đơn vị không thể tổ chức lại theo đúng đặc trưng bản chất hợp tác xã thì giải thể, chuyển sang các hình thức khác. Phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hợp tác xã để nâng cao kiến thức chuyên môn, cũng như ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp, ngoài việc củng cố, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, thì một vấn đề cần quan tâm đó là liên kết giữa các thành phần kinh tế, tổ chức kinh doanh trong phát triển nông nghiệp.

3.2.6. Cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu. Trước mắt, đầu tư các hồ, mở rộng và kiên cố hóa kênh mương để mở rộng vùng tưới đối với diện tích không chủ động nước tại xã Phú Thọ, Quế Thuận và một phần xã Quế Hiệp. Rà soát, phương án vận hành, hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thủy lợi trong việc quản lý, điều tiết nước đảm bảo hiệu quả, nâng cao hiệu suất sử dụng các công trình thủy lợi.

Tập trung phát triển giao thông nông thôn để phục vụ đi lại của nhân dân, giảm chi phí vận chuyển, khai thác cũng như tạo điều kiện phát triển kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại các xã trung du. Tổ chức tốt chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giao thông nội đồng. Cải tạo phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện.

Khuyến khích đầu tư các cơ sở chuyển giao khoa học- công nghệ phục vụ cho công tác nông nghiệp; đầu tư phát triển các trung tâm, trạm giống, khuyến nông ở cơ sở.

3.2.7. Giải pháp thị trường tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ nông sản là yếu tố quan trọng để phát triển nông nghiệp một cách ổn định. Do đó, trước tiên phải có phương án quy hoạch vùng sản xuất, tăng cường các thông tin kinh tế, dự báo giá cả thị trường, tìm kiếm thị trường mới cho sản phẩm nông sản nhằm định hướng phát triển nông nghiệp hợp lý.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu trên địa bàn ... thông qua liên kết liên doanh để mở rộng sản xuất, dự báo thị trường... nhằm ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Bên cạnh đó, khẩn trương đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp đầu tư, trong đó ưu tiên bố trí các công nghiệp chế biến nông lâm sản để giải quyết sản phẩm đầu ra của nông dân; chú ý tạo điều kiện phát triển các làng nghề truyền thống của địa phương như phở sắn, nón lá, gà tre,... để vừa phát triển du lịch, tăng thu nhập cho nông dân, nhưng cũng đồng thời là kênh tiêu thụ nông sản. Bên cạnh đó, còn phải quan tâm đến việc phát triển các cơ sở chế biến nhỏ để tác động tích cực đến việc lưu thông tiêu thụ, góp phần giải quyết lao động nông nhàn.

Tăng cường kiểm tra kiểm soát thị trường đối với các sản phẩm đầu vào của ngành nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức tốt hoạt động của các chợ trên địa bàn.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, nông nghiệp của huyện vẫn là một trong những ngành kinh tế đóng góp rất lớn trong việc phát triển kinh tế, đảm bảo ổn định xã hội. Bước đầu đã tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cũng như phục vụ đời sống nhân dân; đã triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo sự chuyển dịch trong cơ cấu ngành, cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song kết quả đạt được cũng còn nhiều hạn chế, tiềm năng nông lâm nghiệp chưa được khai thác hiệu quả, chưa nghiên cứu xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển ngành, việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, việc quy hoạch và lựa chọn cây trồng vật nuôi chưa thích hợp nên dẫn đến chất lượng sản phẩm còn thấp, điều kiện canh tác còn manh mún, tổn thất trong thu hoạch lớn, giá thành sản xuất cao, đời sống của một bộ phận nông dân còn nhiều khó khăn.

Tuy vậy, với lợi thế về điều kiện tự nhiên, cũng như kết quả của quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội, việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh như đã phân tích ở phần 2; trên cơ sở mục tiêu, định hướng phát triển cùng với triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tại phần 3; tôi tin tưởng rằng sản xuất nông nghiệp huyện Quế Sơn sẽ tăng cả về chất lẫn lượng; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân./.